

# NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN NĂNG LỰC THÍCH ỨNG VỚI YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2 TRONG KÌ THỰC TẬP SƯ PHẠM

Nguyễn Thị Vui

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Email: nguyenthivui@hpu2.edu.vn

## Article history

Received: 10/6/2023

Accepted: 14/7/2023

Published: 20/11/2023

## Keywords

Factors affecting, adaptive capacity, pedagogical internship, general education

## ABSTRACT

Adaptability helps pedagogical students quickly acquire professional knowledge, skills and techniques; as well as promote their activeness, proactiveness and creativity in vocational learning and especially during the pedagogical internship. The article analyzes the factors affecting the formation and development of adaptive capacity in response to the requirements of general education innovation among students of Hanoi National University of Education 2 during the pedagogical internship period. The obtained research results show that the group of subjective factors has a higher degree of influence than the objective ones. There is a moderate to strong correlation of subjective factors. Pointing out the factors affecting the development of students' adaptive capacity to the requirements of general education innovation is the basis for building measures to improve the necessary competencies for pedagogical students.

## 1. Mở đầu

Thực tập sư phạm (TTSP) là một hình thức thực hành nghề nghiệp bắt buộc, đóng vai trò thiết yếu trong quá trình đào tạo GV. Để hoàn thành yêu cầu của kì TTSP, sinh viên (SV) phải vận dụng những kiến thức tổng hợp về khoa học sư phạm và khoa học chuyên ngành để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục trong một môi trường thực tế nhằm hình thành những năng lực sư phạm và phẩm chất nhân cách của GV trong tương lai. Bên cạnh đó, SV phải nắm được kiến thức lí thuyết và vận dụng các bộ môn khoa học nghiệp vụ: Tâm lí học, Giáo dục học và Phương pháp giảng dạy bộ môn. Vì vậy, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông (GDPT) trong kì TTSP đối với SV là một thách thức, đòi hỏi SV phải có năng lực thích ứng (NLTU) mới có thể hoàn thành với kết quả thực tập cao.

Đã có nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu về NLTU nghề. Các công trình nghiên cứu đã đưa ra các cơ sở lí luận về tâm lí học, giáo dục học và xã hội học về thích ứng nghề của SV và người lao động, chỉ ra bản chất quá trình thích ứng (Andreeva, 1972; Nguyễn Xuân Thúc, 2003, 2005; Lê Hương, 2005; Nguyễn Đình Sáng, 2015; Trần Thu Hương, 2015; Nguyễn Thị Thanh Nga, 2015). Tuy nhiên, tìm hiểu về các nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU của SV trong kì TTSP lại chưa được đề cập nhiều trong các nghiên cứu.

Bài báo tìm hiểu các nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT của SV Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 trong kì TTSP. Kết quả khảo sát sẽ là cơ sở thực tiễn để xây dựng các biện pháp nâng cao những năng lực cần thiết cho SV để chuẩn bị tốt cho kì TTSP, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số vấn đề về năng lực thích ứng của sinh viên sư phạm

NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT của SV trong kì TTSP là quá trình SV tích cực huy động các kiến thức, kĩ năng và các yếu tố tâm lí khác nhằm thực hiện thành công hoạt động TTSP tại trường phổ thông. Đó là sự thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của SV một cách chủ động, tích cực để đáp ứng yêu cầu và điều kiện mới nhằm đạt mục tiêu TTSP (Nguyễn Thị Vui, 2022). Biểu hiện thích ứng với đổi mới GDPT của SV trong kì TTSP bao gồm: Sự thay đổi về nhận thức của SV về TTSP với yêu cầu đổi mới GDPT; Sự hài lòng của SV về hoạt động TTSP của bản thân với yêu cầu đổi mới GDPT; Hình thành các kĩ năng phù hợp trong hoạt động TTSP với yêu cầu đổi mới GDPT. Sự thích ứng này xuất hiện do yêu cầu thực tiễn, bắt đầu khi SV tham gia TTSP yêu cầu đổi mới GDPT và kết thúc khi hoạt động này đạt được mục tiêu đề ra. Như vậy, phát triển NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT của SV trong kì TTSP là việc SV chủ động, tích cực thay đổi nhận thức về TTSP, tiến hành phương thức thực hiện TTSP và hài lòng về hoạt động TTSP để hoàn thành tốt nhiệm vụ TTSP.

Mỗi nghề khác nhau sẽ có những yêu cầu khác nhau về NLTU nghề và liên quan chặt chẽ với năng lực nghề đó. NLTU nghề cho phép cá nhân thích nghi và đạt kết quả tốt trong các điều kiện, hoàn cảnh khác nhau của hoạt động nghề. Nghiên cứu về thích ứng của SV thanh niên và giáo dục, Andreeva (1972) nhấn mạnh sự khác nhau giữa thích ứng và xã hội hóa: thích ứng phản ánh quá trình thích nghi đặc biệt của con người với điều kiện hoạt động mới, là sự thâm nhập của con người vào những điều kiện đó một cách không gượng ép. Để hoàn thành tốt kì TTSP, đòi hỏi SV có những NLTU với những yêu cầu đổi mới GDPT. Tác giả Nguyễn Xuân Thức (2003) cho rằng việc cung cấp cho SV hiểu biết về quy trình và kĩ năng tiến hành tổ chức hoạt động ngoại khóa cho HS phổ thông là biện pháp khả thi để nâng cao NLTU của SV với loại hình thực tập giáo dục - tổ chức ngoại khóa cho HS.

Trong nghiên cứu về phát triển NLTU nghề, tác giả Dương Thị Nga cho rằng, những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động học tập của SV là: hứng thú, ý chí, thói quen, phương pháp dạy học, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất (Dương Thị Nga, 2010, 2013).

Tiếp cận nghiên cứu của các tác giả trên, trong bài báo này, chúng tôi cho rằng, có 2 nhóm nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT của SV trong kì TTSP, đó là: - *Nhóm nguyên nhân chủ quan*, đó là những yếu tố về thể chất; tri thức, kĩ năng, kĩ xảo đã có của SV; tính tích cực, tự giác, sáng tạo trong học tập và ý chí rèn luyện nghề; động cơ, lí tưởng, hứng thú nghề nghiệp; Ý thức của bản thân về giá trị nghề dạy học là nhóm yếu tố chủ quan và khách quan; - *Nhóm nguyên nhân khách quan* là những điều kiện cơ sở vật chất; nội dung, chương trình, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, giáo dục ở trường đại học sư phạm; việc tham gia vào các hoạt động ở trường phổ thông; các phương tiện thông tin đại chúng (sách báo, truyền hình, phim ảnh,...); sự hướng dẫn của GV, sự giúp đỡ của cha mẹ HS, bạn bè, người thân.

Tại thời điểm khảo sát SV trong kì TTSP, Chương trình GDPT 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018) đã thực hiện đổi mới lớp 1, các bậc khác và khối lớp khác thực hiện Chương trình hiện hành. Tuy nhiên, tất cả các trường phổ thông đã và đang thực hiện chương trình với yêu cầu đổi mới GDPT theo Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013. Vì vậy, muốn đạt kết quả cao trong kì TTSP, để rèn luyện tay nghề và có thể thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục - dạy học trong trường phổ thông, SV phải thích ứng với yêu cầu đổi mới GDPT và tiếp cận với những yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

## 2.2. Khái quát chung về khảo sát

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để khảo sát nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT của SV trong kì TTSP. Khách thể khảo sát bao gồm 300 SV (150 SV khoá 44, 150 SV khoá 45) thuộc các khoa: Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Giáo dục tiểu học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Hình thức khảo sát: phiếu hỏi trực tiếp. Thời gian khảo sát: tháng 3/2021. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng hình thức phỏng vấn sâu một số SV để tìm hiểu rõ hơn vấn đề nghiên cứu. Các thông tin thu thập được từ phiếu khảo sát thực trạng được quy ước dựa vào giá trị trung bình trong thang đo Likert với 3 mức độ. Giá trị trung bình = (Max - Min)/N = (3-1)/3 = 0.67. Quy ước: 1.00-1.67: mức độ thấp; 1.67-2.33: mức độ trung bình; 2.33-3.00: mức độ cao.

## 2.3. Kết quả khảo sát

### 2.3.1. Những nguyên nhân ảnh hưởng đến năng lực thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong kì thực tập sư phạm

Trong bối cảnh ngành Giáo dục đang tích cực thực hiện đổi mới chương trình GDPT thì việc xác định các nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU yêu cầu của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT trong kì TTSP của SV có ý nghĩa then chốt, quyết định chất lượng nguồn nhân lực cho giáo dục trong tương lai. Kết quả khảo sát về các nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT trong kì TTSP của SV được trình bày ở bảng 1:

*Bảng 1. Đánh giá của SV về những nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT trong kì TTSP*

TT	Nguyên nhân ảnh hưởng	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
<i>Nguyên nhân chủ quan</i>				
1	Không tích cực trong việc rèn luyện các kĩ năng dạy học và giáo dục.	2.53	.500	1
2	Tâm lí ý lại, ngại đổi mới của bản thân.	2.53	.500	1
3	Kĩ năng sử dụng máy móc trang thiết bị dạy học hiện đại tại nhà trường sư phạm.	2.47	.500	4
4	Kĩ năng sử dụng máy móc trang thiết bị dạy học tại cơ sở thực tập.	2.53	.500	1
<i>Nguyên nhân khách quan</i>				
5	Không nhận được văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện nội dung thực tập giảng dạy.	1.73	.574	18
6	Không nhận được văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện nội dung thực tập giáo dục.	1.80	.543	17
7	Không nhận được văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện việc tìm hiểu thực tế giáo dục tại nhà trường và địa phương.	1.87	.619	16
8	Không nhận được sự giải thích rõ ràng cụ thể của GV hướng dẫn về những nội dung TTSP được yêu cầu trong thực tập giảng dạy và thực tập giáo dục.	2.00	.732	14

9	Không có sự thống nhất về nội dung TTSP giữa nhà trường sư phạm và cơ sở thực tập.	2.20	.654	8
10	Không nhận được sự hợp tác của HS trong việc triển khai nội dung thực tập giảng dạy.	2.07	.681	12
11	Không nhận được sự hỗ trợ của phụ huynh HS trong việc triển khai nội dung thực tập giáo dục.	2.20	.654	8
12	Không nhận được sự hỗ trợ từ cơ sở thực tập và địa phương trong quá trình tìm hiểu tình hình thực tế giáo dục tại nhà trường và địa phương.	2.07	.681	12
13	Tài liệu cần thiết để xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch giáo dục.	2.00	.634	14
14	Điều kiện không gian, trang thiết bị, cơ sở vật chất để rèn luyện tập giảng, tập tổ chức sinh hoạt lớp, họp phụ huynh HS.	2.20	.654	8
15	Chưa có cơ hội xử lý các tình huống sư phạm trong điều kiện thật.	2.47	.500	4
16	Chưa được rèn luyện thành thực kỹ năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa trong nhà trường sư phạm.	2.33	.597	7
17	Chưa được rèn luyện thành thực kỹ năng ra đề kiểm tra, chấm bài trong nhà trường sư phạm.	2.47	.500	4
18	Không nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của giảng viên trong quá trình rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục trong trường sư phạm.	2.13	.719	11

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy góc nhìn khách quan trong việc xác định các nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT trong kì TTSP của SV. DLC của số liệu khảo sát dao động trong khoảng từ 0.500 đến 0.732. Các nguyên nhân tác động đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT trong kì TTSP của SV được sắp xếp theo thứ bậc để dễ dàng hơn trong việc xác định mức độ ảnh hưởng đến nội dung nghiên cứu. Trong đó, có những nguyên nhân chủ quan liên quan đến bản thân SV và nguyên nhân khách quan liên quan đến các yếu tố ngoại cảnh. Các nguyên nhân khách quan có ảnh hưởng ít hơn các nguyên nhân chủ quan.

- Các biểu hiện thuộc về nguyên nhân chủ quan có ảnh hưởng lớn, mức độ ảnh hưởng cao nhất - xếp vị thứ 1 với ĐTB = 2.53 là các nguyên nhân: “Không tích cực trong việc rèn luyện các kỹ năng dạy học và giáo dục”; “Tâm lý ỷ lại, ngại đổi mới của bản thân” và “Kỹ năng sử dụng máy móc trang thiết bị dạy học tại cơ sở thực tập”. Ngoài ra “Kỹ năng sử dụng máy móc trang thiết bị dạy học hiện đại tại nhà trường sư phạm” cũng ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT, xếp vị trí thứ 4 (ĐTB = 2.47).

Qua quan sát các tiết dạy trong các TTSP của SV, chúng tôi nhận thấy SV có khả năng sử dụng thiết bị nhưng hiệu quả sử dụng thiết bị, các ứng dụng từ thiết bị chưa cao, chưa biết khai thác đúng nội dung, tình huống dạy học. Nguyên nhân “Tâm lý ỷ lại, ngại đổi mới của bản thân” và “Không tích cực trong việc rèn luyện các kỹ năng dạy học và giáo dục” cũng có mức độ ảnh hưởng cao nhất so với các nguyên nhân khác. Ở những SV này thiếu tính chủ động, thiếu tính tự giác trong việc tìm hiểu các mục tiêu, yêu cầu, các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT tại trường thực tập. Các em chưa đầu tư thời gian và chủ động tạo ra các cơ hội học tập thực tiễn tại trường phổ thông, chưa nhận thức được cơ hội này SV không thể có được ở giảng đường đại học sư phạm. Trao đổi với đoàn gồm 23 SV TTSP của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tại một trường phổ thông tại Vĩnh Phúc, nhiều SV chia sẻ rằng, các em chưa thích ứng với hoạt động trải nghiệm trường phổ thông; một số SV tỏ ra ngại rèn luyện trong kì TTSP, cho thấy tính năng động và sự sáng tạo, sức trẻ của thanh niên SV chưa cao ở những SV này. Vì vậy, nhà trường sư phạm và GV hướng dẫn cần giúp SV nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của TTSP, biến thời gian TTSP thành cơ hội để vận dụng những tri thức tổng quan từ nhiều môn học áp dụng vào thực tiễn, từ đó nhìn nhận những kết quả học tập của mình và tiếp tục phấn đấu cho các kì học tập tiếp theo. Các em cần thấy được TTSP là một dịp tốt để rèn luyện tay nghề trong môi trường thực tiễn, ở đó các em thể hiện toàn bộ năng lực học tập, năng lực tổ chức, vận dụng những năng lực sư phạm, lòng yêu nghề một cách rõ ràng và chính xác, là giai đoạn “lửa thử vàng” của SV, đánh dấu bước trưởng thành về lí tưởng nghề nghiệp và tay nghề sư phạm, đặt nền móng vững chắc cho giai đoạn công tác sau này.

- Các biểu hiện của nguyên nhân khách quan có mức độ ảnh hưởng ít hơn các nguyên nhân chủ quan, trong đó, xếp theo mức độ ảnh hưởng, ảnh hưởng nhiều hơn cả là nguyên nhân “Chưa có cơ hội xử lý các tình huống sư phạm trong điều kiện thật” và “Chưa được rèn luyện thành thực kỹ năng ra đề kiểm tra, chấm bài trong nhà trường sư phạm” - cùng xếp ở vị trí số 4. Tiếp theo là nguyên nhân “Chưa được rèn luyện thành thực năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa trong nhà trường sư phạm” xếp vị trí thứ 7 (ĐTB = 2.33); 3 nguyên nhân cùng xếp vị trí số 8: “Không nhận được sự hỗ trợ của phụ huynh HS trong việc triển khai nội dung thực tập giáo dục”; “Điều kiện không gian, trang thiết bị, cơ sở vật chất để rèn luyện tập giảng, tập tổ chức sinh hoạt lớp, họp phụ huynh HS”; “Không có sự thống nhất về nội dung TTSP giữa nhà trường sư phạm và cơ sở thực tập” (ĐTB = 2.20).

Một số nguyên nhân được SV đánh giá có mức độ ảnh hưởng ít hơn cả, xếp ở vị trí từ 16-18 theo thứ tự là: “Không nhận được văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện việc tìm hiểu thực tế giáo dục tại nhà trường và địa phương” (ĐTB: 1.87); “Không nhận được văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện nội dung thực tập giáo dục” (ĐTB:

1.80); “Không nhận được văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện nội dung thực tập giảng dạy” (ĐTB: 1.73). Thực tế tại Trường ĐHSP Hà Nội 2, trước khi SV xuống trường phổ thông TTSP đều được phổ biến, hướng dẫn và nhận các văn bản hướng dẫn nhưng khi được hỏi, vẫn có những SV cho rằng chưa được nhận hoặc chưa nắm được văn bản. Điều này cho thấy, SV chưa chủ động tham gia chương trình chuẩn bị cho SV trước khi TTSP ở trường phổ thông dẫn đến kết quả học tập các giờ thực hành sư phạm chưa cao. Qua tìm hiểu, các hướng dẫn văn bản còn mang tính thông báo, thiếu các trải nghiệm, tập luyện cho SV. Những nguyên nhân này đã gây lúng túng ban đầu đối với quá trình TTSP của SV.

Như vậy, các nguyên nhân trên đều tác động một cách chủ quan hoặc khách quan, từng phần hoặc toàn bộ đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT trong kì TTSP của SV với các mức độ ảnh hưởng khác nhau. Trong chương trình đào tạo SV sư phạm, rất cần tạo tâm thế, rèn luyện các kĩ năng cơ bản, các phẩm chất và lí tưởng nghề nghiệp để SV sẵn sàng và quyết tâm học tập nhằm hoàn thiện bản thân, chuẩn bị tốt với vai trò là GV trong tương lai. Trong quá trình tìm hiểu thực tiễn giáo dục tại nhà trường và địa phương, SV cần nắm được những hoạt động của nhà trường nói chung, của GV nói riêng cũng như phong trào giáo dục ở địa phương nơi mình TTSP. Để nắm được những nội dung trên, SV cần chủ động, tích cực nghiên cứu: mục tiêu đào tạo, những đặc điểm của cấp học, việc tiếp cận những quan điểm đổi mới giáo dục của nhà trường, hoạt động của hội đồng sư phạm, hoạt động thi đua của nhà trường, hệ thống tổ chức, bộ máy lãnh đạo, các đoàn thể, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học,...; nắm được tình hình thực hiện công tác văn hóa - giáo dục của địa phương, việc triển khai phổ cập giáo dục, xã hội hóa giáo dục, sự đầu tư giáo dục của địa phương, việc xây dựng cơ sở vật chất trường học, sự quan tâm chăm sóc của chính quyền địa phương đối với nhà trường,...; hoạt động chuyên môn: đặc thù trong hoạt động chuyên môn của GV sự khác biệt trong hoạt động chuyên môn của các khối lớp, việc lập kế hoạch dạy học, dự giờ, thăm lớp, phương pháp đánh giá giờ dạy của GV và kết quả học tập của HS; phong trào thi đua đăng kí GV dạy giỏi, giờ giảng mẫu, hội thi GV giỏi của trường; cách viết sáng kiến kinh nghiệm giảng dạy; đánh giá chất lượng công tác.

### 2.3.2. Sự tương quan giữa các nguyên nhân ảnh hưởng đến năng lực thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong kì thực tập sư phạm của sinh viên

Mỗi nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT trong kì TTSP của SV sẽ là một biến độc lập. Tên gọi “biến độc lập” phần nào nói lên được đặc điểm kì vọng của dạng biến này: chúng độc lập về ý nghĩa với nhau. Giữa 2 biến độc lập nếu có sự tương quan quá mạnh, có khả năng 2 biến này bản chất chỉ là một biến, một khái niệm. Với giả thuyết cho rằng những SV không tích cực trong việc rèn luyện các kĩ năng dạy học và giáo dục sẽ ảnh hưởng đến tâm lí ý lại, ngại đổi mới của bản thân của SV và các nguyên nhân khác, chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu mối tương quan này.

Kết quả kiểm tra sự tương quan giữa các nguyên nhân rất ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT trong kì TTSP của SV được thể hiện qua bảng 2:

Bảng 2. Sự tương quan giữa các nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT trong kì TTSP của SV

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT trong kì TTSP của SV		Không tích cực trong việc rèn luyện các kĩ năng dạy học và giáo dục	Tâm lí ý lại, ngại đổi mới của bản thân	Kĩ năng sử dụng máy móc trang thiết bị dạy học tại cơ sở thực tập
Không tích cực trong việc rèn luyện các kĩ năng dạy học và giáo dục	Pearson Correlation	1	-.607**	-.339**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000
	N	300	300	300
Tâm lí ý lại, ngại đổi mới của bản thân	Pearson Correlation	-.607**	1	.732**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000
	N	300	300	300
Kĩ năng sử dụng máy móc trang thiết bị dạy học tại cơ sở thực tập	Pearson Correlation	-.339**	.732**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	
	N	300	300	300

Hệ số tương quan Pearson (r) có ý nghĩa với sig = 0.000. Như vậy, có mối liên hệ tuyến tính giữa các biến độc lập này với biến phụ thuộc.

- *Tương quan mạnh*: Nguyên nhân “Không tích cực trong việc rèn luyện các kĩ năng dạy học và giáo dục” và nguyên nhân “Tâm lí ý lại, ngại đổi mới của bản thân” (r = -.607). Những SV tích cực trong việc rèn luyện các kĩ năng dạy học và giáo dục thì tâm lí ý lại, ngại đổi mới của bản thân sẽ bị triệt tiêu. Ngược lại, tâm lí ý lại, ngại đổi mới của bản thân SV sẽ bị triệt tiêu khi SV tích cực trong việc rèn luyện các kĩ năng dạy học và giáo dục; “Kĩ năng



sử dụng máy móc trang thiết bị dạy học tại cơ sở thực tập” và “Tâm lý ý lại, ngại đổi mới của bản thân” ( $r = .732$ ) cho thấy, khi SV năng động, sáng tạo thì sẽ dễ dàng tiếp cận máy móc trang thiết bị dạy học tại cơ sở thực tập.

- *Tương quan trung bình*: “Kỹ năng sử dụng máy móc trang thiết bị dạy học tại cơ sở thực tập” và “Không tích cực trong việc rèn luyện các kỹ năng dạy học và giáo dục” ( $r = -.339$ ). Việc SV tích cực trong rèn luyện các kỹ năng dạy học và giáo dục sẽ nắm bắt nhanh cách thức sử dụng máy móc trang thiết bị dạy học tại cơ sở thực tập.

### 3. Kết luận

Với mục đích rèn luyện, nâng cao năng lực sư phạm và góp phần hình thành các phẩm chất, nhân cách cần thiết của GV tương lai cho SV, TTSP chính là quá trình SV tham gia vào hoạt động thực hành nghề nghiệp tại một trường học cụ thể, là cơ hội để SV vận dụng những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục có hiệu quả. NLTU với yêu cầu đổi mới GDPT của SV trong kì TTSP đóng vai trò quan trọng chương trình đào tạo. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến NLTU của SV và các mức độ ảnh hưởng không đồng đều. Mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân có ý nghĩa khoa học vì đây sẽ là cơ sở để xem xét việc điều chỉnh chương trình đào tạo SV sư phạm. Nghiên cứu về mức độ thích ứng của SV với yêu cầu đổi mới GDPT, nhất là trong các kì TTSP là một nhiệm vụ quan trọng đối với các trường sư phạm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, đáp ứng đòi hỏi của ngành Giáo dục và của xã hội trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí Khoa học Công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho đề tài khoa học “Biện pháp phát triển năng lực thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông của sinh viên trong kì thực tập sư phạm”, mã số: HPU2.UT-2021.07.

### Tài liệu tham khảo

- Andreeva, D. B. (1972). *Những vấn đề thích ứng của sinh viên, thanh niên và giáo dục*. NXB Thanh niên cận vệ, Moskova.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Dương Thị Nga (2010). Các cách tiếp cận nhằm tìm hiểu năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm. *Tạp chí Giáo dục*, 233, 14-15; 33.
- Dương Thị Nga (2013). *Phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên cao đẳng sư phạm*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.
- Lê Hương (2005). Thái độ đối với công việc và năng lực thích ứng cạnh tranh của người lao động hiện nay. *Tạp chí Tâm lý học*, 9, 1-5.
- Nguyễn Đình Sáng (2015). *Sẵn sàng tâm lý với hoạt động nghề nghiệp của học viên các trường đại học quân sự hiện nay*. Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng.
- Nguyễn Thị Thanh Nga (2015). *Sự thích ứng với hoạt động dạy học của giáo viên tiểu học mới vào nghề*. Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Nguyễn Thị Vui (2022). Biểu hiện năng lực thích ứng nghề của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. *Tạp chí Giáo dục*, 22(số đặc biệt 11), 334-340.
- Nguyễn Xuân Thúc (2003). Biện pháp nâng cao sự thích ứng với hình thức tổ chức hoạt động ngoại khóa cho học sinh phổ thông của sinh viên sư phạm. *Tạp chí Tâm lý học*, 3, 25-28.
- Nguyễn Xuân Thúc (2005). Sự thích ứng với hoạt động rèn luyện nghiệp vụ của sinh viên đại học sư phạm. *Tạp chí Tâm lý học*, 8, 46-50.
- Trần Thu Hương (2015). *Thích ứng với hoạt động dạy học của giảng viên trẻ tại các học viện, Trường Đại học Công an nhân dân*. Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng.